

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán năm 2023**  
**của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT**

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-SNN ngày 10/3/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Về việc giao dự toán vốn sự nghiệp để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT.

(Theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở và các phòng chức năng thuộc Sở tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (Thực hiện);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT-KT.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Công Hàm**

**Đơn vị: Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang**

**Chương: 412**

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 200/QĐ- SNN ngày 15/3/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

*Đvt: Nghìn đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được giao</b>
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	-
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	-
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	-
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>2.580.000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>2.580.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>2.580.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	-
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>2.580.000</b>
<b>1.2.1</b>	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Loại: 340; Khoản: 341; Mã nguồn: 12; Mã CTMT: 00513) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư, thuộc Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</i>	2.560.000
<b>1.2.2</b>	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Loại: 340; Khoản: 341; Mã nguồn: 12; Mã CTMT: 00521) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình, thuộc Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình - Chi phí cho công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình</i>	20.000
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	-
<b>2.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	
<b>2.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	-
<b>C</b>	<b>KINH PHÍ TIẾT KIỆM 10%</b>	

*Ghi chú: Niêm yết trên bảng thông báo 90 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực, đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Sở./.*